TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/HS-ST
Ngày: 18-7-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Thanh Tiền

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Chấn Chương

Bà Đỗ Nguyễn Bích Mai

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Đức Thành – Thư ký Toà án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đẩu- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2022/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 77/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

Đỗ Minh H, sinh ngày 02 tháng 7 năm 1987 tại: Tp.Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 97/8 đường C, Phường B, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Minh T; con bà: Tôn Nữ Thị N; Có vợ tên Bùi Thị Ngọc D (đã ly hôn); Có 02 người, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/01/2022 (có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Luật sư của Văn phòng Luật sư Tiến Thắng thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: 110 Cầu Xéo, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

Bị hại: Ông Lê Tấn T, sinh năm: 1988; Nơi cư trú: 426 đường Đ, phường L, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Lê Tấn T là chủ sở hữu của chiếc xe ô tô hiệu Mercedes – Benz, biển số: 51G-901.81. Vào khoảng tháng 5/2020, ông T có quen với Đỗ Minh H là giám đốc kinh doanh của Công ty TNHH VV Limousine, địa chỉ: 85 đường O, khu dân cư C,

Phường B, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh thông qua giao dịch thuê xe ô tô. Trong thời gian này, ông T nhiều lần cho H thuê chiếc xe ô tô biển số: 51G-901.81 với giá thuê 1.900.000 đồng/ ngày. Trong các lần cho thuê xe, ông T và H có làm giấy thuê xe một lần vào ngày 30/7/2020. Sau khi thuê được xe của ông T thì H cho khách thuê lại với số tiền 2.500.000 đồng/ngày để hưởng tiền chênh lệch. Các lần thuê xe H đều thực hiện đúng theo thỏa thuận.

Vào ngày 28/11/2020 tại Công ty TNHH VV Limousine, địa chỉ: 85 đường O, khu dân cư C, Phường B, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh, ông T đã bàn giao xe ô tô biển số: 51G-901.81 cùng với giấy tờ cho H thuê trong thời hạn 5 ngày với số tiền thuê xe là 1.900.000 đồng/ngày nhưng không làm hợp đồng thuê xe. Sau khi thuê xe, H gắn hệ thống định vị trên xe để quản lý và cho Nguyễn Văn N thuê lại (có ký kết hợp đồng thuê xe với thời hạn 3 tháng, số tiền thuê là xe 2.500.000 đồng/ngày) ông N phải đặt cọc cho H số tiền là 1.100.000.000 đồng.

Sau khi hết hạn 5 ngày thuê xe như thỏa thuận, do không có xe khác để đổi cho ông N và trả xe cho ông T nên H đã 03 lần xin gia hạn thuê xe (mỗi lần 05 ngày, đến ngày 18/12/2020 là hết thời hạn) và được ông T đồng ý. Đến ngày 17/12/2020, do muốn có tiền để trả nợ nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ông T. H nói dối với ông T là xe của ông T được H cho người khác thuê và bị người này cắt định vị đem cầm cố ở Đà Lạt, yêu cầu H phải chuộc xe với số tiền 900.000.000 đồng nếu không chuộc xe thì sẽ bán xe qua Campuchia. Tin tưởng việc H nói xe của mình sẽ bị bán qua Campuchia nên ngày 18/12/2020, ông T đến phòng giao dịch Đ, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, địa chỉ số 24 đường V, Phường C, Quận N chuyển số tiền 450.000.000 đồng vào tài khoản số 100880306666 của H. Sau đó, H đã dùng số tiền trên để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 19/12/2020, ông T có gặp H và H có đưa định vị cho ông T xem và báo cho ông T xe đã về đến quận V. Ông T yêu cầu H chuộc xe về và trả xe cho ông T nhưng H né tránh. Đến ngày 29/12/2020, ông T phát hiện xe ô tô của mình tại đường L, Phường B, quận V do ông N điều khiển nên giữ lại xe và trình báo sự việc đến Công an Phường B, quận V.

Tiến hành làm việc Đỗ Minh H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. H khai có thuê xe ô tô hiệu Mercedes – Benz, biển số: 51G-901.81 của ông T sau đó cho ông Nguyễn Văn N thuê lại để hưởng tiền chênh lệch. Do không có khả năng trả nợ và cần tiền để tiêu xài cá nhân nên H nói dối với T là xe ô tô của ông T đang bị khách thuê mang đi cầm cố và đòi tiền chuộc nhằm mục đích để ông T tin tưởng chuyển số tiền 450.000.000 đồng cho H. Sau khi nhận tiền H đã trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Ngày 19/12/2020, ông T có gặp H và H có đưa định vị cho ông T xem và báo cho ông T xe đã về đến quận V. Do chưa có xe đổi cho ông N nên H chưa đến gặp ông N để lấy xe về trả cho ông T. Đến ngày 29/12/2020 ông T chặn xe của ông N đang sử dụng tại địa phận quận V thì được biết xe của mình không bị cầm cố như lời H nói nên ông T đến Công an quận V trình báo vụ việc

Tiến hành làm việc với Nguyễn Văn N trình bày: Nghĩa có thuê chiếc xe ô tô hiệu Mercedes – Benz, biển số: 51G-901.81 của Đỗ Minh H và sử dụng từ ngày

28/11/2020 đến ngày 29/12/2020 thì bị ông T chặn xe, giữ lại. Lúc này, Nghĩa mới biết ông Lê Tấn T là chủ xe, ông N không biết việc H đã nói dối ông T là xe đang bị cầm cố.

Cơ quan điều tra đã tiến hành cho Đỗ Minh H và anh Lê Tấn T đối chất: kết quả cả hai xác nhận nội dung như đã nêu.

Tiến hành lập biên bản làm việc về nội dung các tin nhắn trao đổi qua điện thoại giữa H và ông T (do ông T cùng cấp): Kết quả Đỗ Minh H và ông Lê Tấn T xác nhận các tin nhắn mà ông T cung cấp thể hiện nội dung: H nói dối với ông T là xe của ông T đang bị khách thuê xe cầm và yêu cầu tiền chuộc và sau đó ông T tin tưởng nên chuyển cho H số tiền 450.000.000 đồng.

Về vật chứng thu giữ: 01 (một) điện thoại di động hiệu iphone XS màu vàng, có số Imei: 356172097004334 (đã qua sử dụng); 01 (một) chiếc xe ô tô hiệu Mercedes – Benz, biển số: 51G-901.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Đỗ Minh H đã bồi thường cho ông Lê Tấn T số tiền 50.000.000 đồng. Ông Lê Tấn T yêu cầu Đỗ Minh H phải bồi thường số tiền còn lại là 400.000.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bản cáo trạng số: 37/CT-VKSQ5 ngày 06/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Đỗ Minh H về tội"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đỗ Minh H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a Khoản 3 Điều 174; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Đỗ Minh H với mức án từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù; về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đỗ Minh H trả lại cho ông Lê Tấn T số tiền 400.000.000 đồng; về vật chứng xử lý theo quy định pháp luật.

Luật sư Nguyễn Anh Tuấn trình bày bào chữa cho bị cáo Đỗ Minh H: Thống nhất với Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân Quận N đã truy tố đối với bị cáo H và nêu một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo H có khó khăn về tài chính, có vợ nhưng đã ly hôn phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 2 người con, bị cáo là lao động chính; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; mới phạm tội lần đầu nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả bằng việc trả cho bị hại số tiền 50.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm b, s Khoản 1 Điều 51; điểm d Khoản 1 Điều 3; Khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Bên cạnh đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo H có hành vi gian dối nhưng không có mục đích chiếm đoạt nên việc Cơ quan tố tụng truy tố bị cáo H là đang áp dụng pháp luật một cách phiến diện dưới cái nhìn của pháp luật hình sự, đáng lẽ hành vi của bị cáo H phải dùng các quy phạm pháp luật phi hình sự để giải quyết.

Ông Lê Tấn T trình bày ý kiến tranh luận: Ông T cho bị cáo H mượn tiền là không hoàn toàn tự nguyện, do bị cáo H nói dối là chuộc lại chiếc xe của ông nên ông T mới đưa tiền cho H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N ý kiến tranh luận: Bị cáo H đã có hành vi gian dối để ông T chuyển tiền cho bị cáo 450.000.000 đồng nhằm chiếm đoạt và thực tế bị cáo chiếm đoạt số tiền trên để sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân. Về hình phạt, Viện kiểm sát nhân dân Quận N giữ nguyên quyết định truy tố và mức hình phạt đã đề nghị, việc Luật sư bào chữa đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xét xử bị cáo H dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là không có căn cứ pháp luật, chưa đủ tác dụng giáo dục và răn đe đối với bị cáo.

Bị cáo Đỗ Minh H không có ý kiến bổ sung bào chữa, không tranh luận và nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Ngoài ra, không có ý kiến tranh luận nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa công khai, bị cáo Đỗ Minh H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận, bị cáo Đỗ Minh H đã có hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt số tiền 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng) của ông Lê Tấn T bằng cách bị cáo H đã nói dối với ông Lê Tấn T là chiếc xe ô tô biển số: 51G-901.81 của ông T cho bị cáo H thuê, bị cáo H đã cho người khác thuê lại và bị khách thuê xe cắt định vị đem đi cầm cố ở Lâm Đồng, nếu không chuộc về thì chiếc xe sẽ bị bán sang Campuchia. Do ông T tin tưởng bị cáo H nói là thật nên đưa cho bị cáo H số tiền 450.000.000 đồng thông qua việc chuyển khoản tại Ngân hàng nhằm chuộc lại chiếc xe của ông T nhưng thực tế chiếc xe ô tô biển số: 51G-901.81 của ông T hiện bị cáo H vẫn đang cho khách hàng là ông Nguyễn Văn N thuê sử dụng và khi chiếm đoạt được số tiền 450.000.000 đồng bị cáo H đã sử dụng vào việc trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Như vậy, hành vi của Đỗ Minh H đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xét bị cáo là người có năng lực hành vi, đủ khả năng nhận thức được việc làm của mình, biết hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm

pháp luật, nhưng bị cáo vì lợi ích cá nhân mà đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự xã hội ở địa phương. Do đó, cần phải có một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo; nhằm mục đích giáo dục bị cáo, đồng thời có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo mới phạm tội lần đầu, nhân thân chưa có tiền án tiền sự; bị cáo đã bồi thường cho bị hại với số tiền 50.000.000 đồng trên tổng số tiền 450.000.000 đồng đã chiếm đoạt của bị hại nên xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Căn cứ Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hội đồng xét xử xét thấy cần phải buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định, để bị cáo có thể cải tạo thành người có ích cho xã hội, đồng thời đủ sức răn đe đối với những người khác có hành vi tương tự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo phạm tội có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế nên không xem xét áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Viện kiểm sát nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố để xét xử và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[8] Về ý kiến trình bày của Luật sư Nguyễn Anh Tuấn bào chữa cho bị cáo Đỗ Minh H nêu một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: bị cáo H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; mới phạm tội lần đầu nhân thân chưa có tiền án, tiền sự là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật. Đối với ý kiến của Luật sư bào chữa nêu tình tiết giảm nhẹ là bị cáo H phạm tội đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả để áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là chưa phù hợp, bởi bị cáo H đã chiếm đoạt số tiền của ông Lê Tấn T 450.000.000 đồng nhưng mới bồi thường được số tiền 50.000.000 đồng nên chỉ xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đối với các ý kiến khác của Luật sư bào chữa nêu như bị cáo không có hành vi chiếm đoạt và đề nghị xem xét quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ nên không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng:

01 (một) điện thoại di động hiệu iphone XS màu vàng, có số Imei: 356172097004334 (đã qua sử dụng). Xét đây là tài sản cá nhân của bị cáo, không phải là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho bị cáo H.

01 (một) chiếc xe ô tô hiệu Mercedes – Benz, biển số: 51G-901.81 do ông Lê Tấn T đứng tên chủ sở hữu. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông Lê Tấn T là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Ông Lê Tấn T yêu cầu bị cáo Đỗ Minh H phải bồi thường số tiền còn lại là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) và tại phiên tòa bị cáo Đỗ Minh H đồng ý bồi thường số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) cho ông Lê Tấn T. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Đỗ Minh H 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 20 tháng 01 năm 2022.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại cho bị cáo Đỗ Minh H 01 (một) điện thoại di động hiệu iphone XS màu vàng, có số Imei: 356172097004334 (đã qua sử dụng).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh).

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 357; Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Đỗ Minh H bồi thường cho ông Lê Tấn T số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bị hại có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo không thanh toán khoản tiền bồi thường thiệt hại nêu trên, thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật phí và lệ phí.

Bị cáo chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 20.000.0000 đồng (hai mươi triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TpHCM;
- Sở Tư pháp TpHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TpHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận N;
- Cơ quan CSĐT Công an Quận N;
- Phòng PV 06- Công an TPHCM;
- Bộ phận THA HS Tòa án Quận N;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận N;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thanh Tiền